

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 112/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2023

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Năm 2022 là năm thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số ở mọi ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Đây là năm tỉnh tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trọng tâm là thúc đẩy các hoạt động số phục vụ người dân, doanh nghiệp; hình thành các nền tảng số.

Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ và các chỉ tiêu được giao tại Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 24/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tiền Giang năm 2022;

Sau hơn 1 năm thực hiện chuyển đổi số trên 3 trụ cột chính (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số), các chỉ tiêu về công tác chuyển đổi số của tỉnh Tiền Giang cơ bản đạt được yêu cầu đề ra trên các nội dung: nhận thức số; thể chế số; hạ tầng số; nhân lực số; an toàn thông tin mạng; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số. Theo đó, cơ bản các chỉ số đã đạt được kết quả đề ra (cụ thể theo **Phụ lục 1, 2, 3** đính kèm).

Phần II

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH TIỀN GIANG NĂM 2023

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW.

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 06 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt nam, phiên bản 2.0.

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Quyết định số 27/QĐ-UBQGCDs ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022.

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy Tiền Giang về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Đề án Chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 3651/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Tiền Giang, phiên bản 1.0.

Quyết định số 3652/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang, phiên bản 2.0.

Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục triển khai sử dụng hiệu quả hạ tầng và các hệ thống, ứng dụng CNTT, chính quyền số. Nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong thời gian vừa qua để từng bước thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án Chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên cơ sở Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Tiền Giang.

- Đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số chính quyền tương tác, minh bạch, sử dụng dữ liệu số để tối ưu hóa hoạt động, chuyển đổi và cung cấp các dịch vụ số mới dựa trên nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, tạo hệ sinh thái chuyển đổi số trong toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số:

- 100% văn bản trao đổi của các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) dưới dạng điện tử được ký số theo quy định; hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh được kết nối gửi, nhận văn bản điện tử với các Bộ, ngành và địa phương qua Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu LGSP.

- 80% dịch vụ công một phần và toàn trình đủ điều kiện tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Tối thiểu 60% dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trên tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ và 50% hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong năm của các TTHC được UBND tỉnh công bố thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa.

- 80% chế độ báo cáo chỉ tiêu tổng hợp số liệu và báo cáo định kỳ được thực hiện báo cáo trên hệ thống Báo cáo đa ngành tỉnh Tiền Giang (áp dụng thực hiện các Mẫu báo cáo có tính chất tổng hợp số liệu từ nhiều cấp/nhiều ngành, là báo cáo định kỳ (tháng/quý/năm) và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

- Đạt 90% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (bao gồm cả thiết bị di động).

- Tối thiểu 30% hồ sơ giải quyết TTHC có phí, lệ phí được thanh toán trực tuyến.

- Tiếp tục tích hợp các hệ thống thông tin, chuẩn hóa các CSDL dùng chung của tỉnh, hình thành kho dữ liệu tập trung; kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

2.2. Phát triển Kinh tế số

- Đạt tỷ lệ 90% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.

- Đạt 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt trên 16%.

2.3. Phát triển Xã hội số

- Đạt 80% dân số có điện thoại di động thông minh.

- Đạt 75% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác.

- Đạt tối thiểu 70% các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đạt 80% hộ gia đình có địa chỉ số.

2.4. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 80%.

- Triển khai đầu tư hệ thống Trung tâm Giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh đảm bảo đủ năng lực giám sát, điều hành, phát hiện và cảnh báo sớm các tấn công vào các HTTT của Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và các HTTT khác.

- Tối thiểu 90% thiết bị đầu cuối tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung bảo vệ.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) của các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các Bộ, ngành, địa phương; chủ động lựa chọn thí điểm triển khai, áp dụng sáng kiến mới, cách làm về chuyển đổi số phù hợp với địa phương, đặc biệt là các sáng kiến liên quan đến dữ liệu số, các nền tảng dùng chung.

b) Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm hay, mô hình điển hình về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

c) Thường xuyên cập nhật, chia sẻ bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số của các Bộ, ngành, địa phương tại địa chỉ <https://t63.mic.gov.vn>; công bố danh sách các bài toán chuyển đổi số để các Bộ, ngành, địa phương tham khảo tại địa chỉ <https://c63.mic.gov.vn>; cập nhật, chia sẻ, phổ biến Cẩm nang chuyển đổi số tại địa chỉ <https://dx.mic.gov.vn> cho các cơ quan, đơn vị, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn đến từng CBCCVC của các cơ quan, đơn vị tham gia vào kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” để cập nhật kịp thời các thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

2. Thể chế số

a) Xây dựng các văn bản quy định, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn thi hành để xây dựng chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin (văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn; quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật; quy định; quy chế...).

b) Xây dựng các chính sách về cơ sở dữ liệu (danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung; chiến lược dữ liệu); quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu.

c) Xây dựng các chính sách thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số (tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số).

d) Xây dựng kế hoạch và ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Hạ tầng số

a) Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ Chính phủ số; tiếp tục duy trì thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho các ứng dụng dùng chung của tỉnh (công dịch vụ công, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, công

thông tin điện tử, hệ thống hợp trực tuyến 02 chiều và các ứng dụng chuyên ngành khác).

b) Nâng cao tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

c) Xây dựng mới Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, triển khai mô hình điện toán đám mây và đáp ứng các tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định khác.

d) Nâng cấp hệ thống mạng LAN tại UBND cấp xã đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống mạng WAN cấp huyện và cấp tỉnh, từng bước hoàn thiện hạ tầng số.

đ) Xây dựng các hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số, Trung tâm điều hành thông minh (IOC); đầu tư hệ thống truyền thanh không dây; đầu tư tòa soạn đa phương tiện cho Báo Ấp Bắc.

4. Dữ liệu số

a) Thực hiện kết nối đồng bộ, thống nhất với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã triển khai của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu do các Bộ, ngành, Trung ương triển khai, bảo đảm kết nối, chia sẻ và liên thông các cấp thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đồng thời tuân thủ theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Tiếp tục hoàn thiện và khai thác các CSDL/HTTT ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, CSDL về tín ngưỡng tôn giáo... Xây dựng mới HTTT ngành Tài nguyên và Môi trường.

c) Xây dựng danh mục dữ liệu mở tỉnh Tiền Giang theo định hướng tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

5. Nền tảng số

a) Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Tiền Giang (LGSP) kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh liên thông tích hợp và chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu Quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Triển khai ứng dụng nền tảng số TienGiangG phục vụ CBCCVC trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã hỗ trợ xử lý công việc.

c) Triển khai ứng dụng hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới,

dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung cấp bộ, ngành, địa phương.

d) Hoàn thiện việc liên thông, tích hợp 2 chiều giữa phần mềm Một cửa điện tử và hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành để đảm bảo tính liên thông và theo dõi, chỉ đạo điều hành các thủ tục hành chính của tỉnh.

đ) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, cung cấp 100% danh mục báo cáo dùng chung, chế độ báo cáo định kỳ của UBND tỉnh và kết nối liên thông với hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

e) Triển khai thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

g) Triển khai thống nhất, đồng bộ hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; tiếp tục hoàn thiện hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành theo Nghị định số 30/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư và Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nội vụ về quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

6. Nhân lực số

a) Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho CBCCVN về chuyển đổi số để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

7. An toàn thông tin mạng

a) Tiếp tục triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung bảo vệ cho 100% thiết bị đầu cuối tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

c) Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ

theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

d) Xây dựng hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh thông tin mạng (SOC) tích kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

đ) Xây dựng và triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các đơn vị, tổ chức trực thuộc cơ quan theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 4 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

8. Chính quyền số

8.1. Phát triển các hệ thống phục vụ công tác quản lý và điều hành

a) Tiếp tục triển khai hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh: hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống Cổng dịch vụ công và Một cửa điện tử; hệ thống Thư điện tử công vụ; hệ thống Cổng thông tin điện tử; hệ thống báo cáo đa ngành; hệ thống hợp trực tuyến 02 chiều và các hệ thống khác.

b) Đẩy mạnh triển khai chữ ký số cá nhân (ưu tiên ký số từ xa theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2022 của Chính phủ) trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của văn bản điện tử.

8.2. Phát triển ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp

a) Triển khai các giải pháp nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, giải quyết theo hình thức trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích, đặc biệt là tại cấp xã.

b) Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đối với các TTHC phát sinh phí, lệ phí. Đẩy mạnh các giải pháp khuyến khích người dân và doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện các TTHC.

c) Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (bao gồm cả thiết bị di động qua ứng dụng TienGiangG).

d) Hoàn thiện hệ thống Cổng thông tin điện tử cho cấp xã.

đ) Triển khai Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính để triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

9. Kinh tế số

a) Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 30/10/2021 của UBND tỉnh; tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất đưa sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP lên sàn giao dịch điện tử tỉnh Tiền Giang (<http://sangiaodich.tiengiang.gov.vn>), sàn thương mại điện tử Postmart.vn, Voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số.

b) Triển khai Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh, trong đó chú trọng các chỉ tiêu: số doanh nghiệp thực hiện đánh giá, xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số trên cổng <https://dbi.gov.vn>; số doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành, sản xuất, kinh doanh (trên cổng SMEdx <https://smedx.mic.gov.vn>).

c) Thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế theo Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh.

10. Xã hội số

a) Phổ cập kỹ năng số, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng Nền tảng công dân số tại địa chỉ <https://congdanso.mic.gov.vn>.

b) Phát triển kỹ năng số cho người dân thông qua việc tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ số, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, các dịch vụ số trong lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc ứng dụng và phát triển CNTT; nhận thức của CBCCVC trong việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý.

b) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về chính quyền số, trong đó chú trọng tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các hội thi trực tuyến trong đó nội dung sử dụng các ứng dụng CNTT như Cổng dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến... Tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ của chính quyền số cung cấp bằng các phương pháp trực quan, sinh động, gần gũi, dễ hiểu, dễ làm.

c) Phát huy vai trò của các nền tảng số và các trang mạng xã hội, là kênh tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp; sử dụng hiệu quả hệ thống cổng/trang thông tin điện tử tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của

Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và các hoạt động chuyển đổi số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông triển khai hạ tầng, dịch vụ ứng dụng CNTT.

b) Phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua hệ thống bưu chính công; tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử Postmart.vn, Voso.vn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số và tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

3. Nghiên cứu, hợp tác làm chủ đầu tư, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Triển khai các hoạt động nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số như: điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) vào triển khai chính quyền số.

b) Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài tỉnh trong công tác nghiên cứu, tổ chức hội thảo, hội nghị nhằm giới thiệu những thành tựu CNTT và khả năng ứng dụng vào hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và phục vụ người dân.

4. Thu hút nguồn lực chuyển đổi số

a) Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp; nâng cao vai trò người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức triển khai ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền số.

b) Phát huy tối đa vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số.

c) Tăng cường phối hợp với các công ty, doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

d) Xây dựng, ban hành các chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT làm việc trong các cơ quan nhà nước các cấp.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

b) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

a) Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn vốn đầu tư công của tỉnh năm 2023 và nguồn vốn sự nghiệp năm 2023.

b) Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số, bao gồm sử dụng nguồn lực lồng ghép trong các chương trình, dự án khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh

a) Tham mưu UBND tỉnh trong việc tổ chức, kiểm tra, giám sát thực hiện Kế hoạch đạt hiệu quả cao, đảm bảo thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ đề ra.

b) Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra, giám sát, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, công bố trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển chính quyền số của tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nhằm đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các quy định, chính sách nhằm đẩy mạnh ứng dụng, phát triển chính quyền số.

c) Phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đảm bảo đúng trình tự; tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

d) Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, các hoạt động về chuyển đổi số đến sâu rộng trong CBCCVN, người dân và doanh nghiệp.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin đã

được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở cân đối nguồn ngân sách địa phương năm 2023, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

6. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đôn đốc đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hiện đại hóa nền hành chính.

b) Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn với các hoạt động của các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao hoạt động chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị.

7. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Chủ động tổ chức có hiệu quả Kế hoạch, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra; căn cứ Kế hoạch này, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương **trong tháng 5/2023**.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các nội dung có liên quan thuộc Kế hoạch này; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đầu tư, nâng cấp hạ tầng CNTT; tích hợp các CSDL của cơ quan, đơn vị vào hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh; tích hợp, chia sẻ thông tin giữa các HTTT/CSDL của ngành với các HTTT/CSDL của tỉnh; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng trong cơ quan, đơn vị.

d) Khi đầu tư các ứng dụng CNTT, ứng dụng chuyển đổi số phải đảm bảo hiệu quả thống nhất và đồng bộ, tránh trùng lặp, chồng chéo.

đ) UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động bố trí chi ngân sách thường xuyên của cấp huyện, cấp xã để thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số.

e) Định kỳ hàng quý (trước ngày 20 mỗi quý) hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), báo cáo, đánh giá tình hình triển khai thực hiện chuyển đổi số, gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin

Chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

9. Đài Phát thanh và Truyền hình Tiền Giang, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và đề nghị Báo Ấp Bắc, các cơ quan truyền thông, báo chí

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình truyền thanh, truyền hình.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết theo **Phụ lục 4** đính kèm.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc và cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch này, các đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Vĩnh

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THEO KẾ HOẠCH SỐ
217/KH-UBND NGÀY 24/6/2022 CỦA UBND TỈNH

Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2022	Kết quả thực hiện
Phát triển Chính quyền số		
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau.	80%	CHƯA ĐẠT: Đạt tỷ lệ 68,48% (tổng số DVC mức độ 4 là 1.271/1856 TTHC).
Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của tỉnh.	Tối thiểu 30%	CHƯA ĐẠT: Tỷ lệ 7,09% (tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến là 43.683/615.932 hồ sơ giải quyết TTHC).
Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.	Tối thiểu 80%	ĐẠT: Đạt 100% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan qua hệ thống phần mềm Một cửa điện tử.
Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 10% trở lên.	Tối thiểu 40%	ĐẠT: 100% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến (405 TTHC có phí, lệ phí được triển khai thanh toán trực tuyến); Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 6.17% (25/405) thủ tục; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến: 0.75% (612/81.611) hồ sơ được thanh toán trực tuyến.
Thủ tục hành chính được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Đạt 60%	ĐẠT: Đạt 61,29% , đã thực hiện tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 1.135/1852 TTHC của tỉnh.
Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.	Hoàn thiện	ĐẠT: Triển khai hệ thống Báo cáo đa ngành tỉnh Tiền Giang (tại địa chỉ: https://lris.vnpttiengiang.vn) áp dụng với các báo cáo có tính chất tổng hợp, phân tích số liệu từ nhiều cấp và mang

		tính chất định kỳ. Hiện tại hệ thống đã khai báo hơn 18 mẫu báo cáo của các sở, ban, ngành.
Tỷ lệ văn bản điện tử được ký số theo quy định (trừ văn bản mật) và trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử trên môi trường mạng.	Tối thiểu 95%	ĐẠT: Đạt 95% văn bản điện tử được ký số theo quy định đảm bảo giá trị pháp lý.
Tích hợp các hệ thống thông tin, chuẩn hóa các CSDL dùng chung của tỉnh, hình thành kho dữ liệu tập trung; kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).	Hoàn thành	ĐẠT - Xây dựng, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) các ngành từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ với các HTTT, phần mềm khác của Bộ, ngành và của tỉnh trong công tác quản lý nhà nước: Hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng đa ngành; Hệ thống kết nối thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Tiền Giang; Cơ sở dữ liệu ngành Công an (lớp bản đồ bảo vệ mục tiêu); Hệ thống thông tin Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Cơ sở dữ liệu ngành Y tế (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Đã kết nối 06/17 HTTT/CSDL, gồm: (1) Hệ thống Cấp phiếu Lý lịch tư pháp, (2) Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng

		Công ty Bưu điện Việt Nam), (3) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp), (4) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông) (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (6) Liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường).
Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ của Chính quyền số Tiền Giang cung cấp.	60%	ĐẠT: Ước đạt khoảng 60% .
Xây dựng các tiêu chí cơ bản của đô thị thông minh cho thành phố Mỹ Tho.	Hoàn thành	ĐẠT: UBND thành phố Mỹ Tho đang xây dựng Đề án.
Bảo đảm an toàn thông tin		
Tỷ lệ hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.	Tối thiểu 50%	CHƯA ĐẠT: Đã phê duyệt 06 HTTT (03 HTTT cấp độ 2 và 03 HTTT cấp độ 3).
Tỷ lệ thiết bị đầu cuối tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung bảo vệ.	Tối thiểu 90%	ĐẠT: Đạt 100% , hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh với 02 máy chủ và 4.130 máy trạm được cài đặt phần mềm diệt virus tập trung.
Tỷ lệ các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.	100%	ĐẠT: Đạt 100% các cơ quan nhà nước được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin.
Tỷ lệ CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý an toàn thông tin.	Tối thiểu 70%	ĐẠT: Đạt 130% (10.685 lượt/7.695 CBCCVC) được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số.

Xây dựng các CSDL chuyên ngành, ưu tiên triển khai các ứng dụng CNTT vào các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số: y tế; giáo dục và đào tạo; nông nghiệp; tài nguyên và môi trường; giao thông, vận tải và logistics; công nghiệp; lao động, thương binh và xã hội; văn hóa và du lịch.	Hoàn thành	Xây dựng, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) các ngành: Hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng đa ngành; Hệ thống kết nối thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Tiền Giang; Cơ sở dữ liệu ngành công an (lớp bản đồ bảo vệ mục tiêu); Hệ thống thông tin Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Cơ sở dữ liệu ngành Y tế (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
Triển khai áp dụng nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp tại địa phương.	Hoàn thành	CHƯA ĐẠT: Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động phối hợp với cơ quan chủ quản và Bộ TT&TT để triển khai thực hiện, tuy nhiên chưa có hướng cụ thể của Bộ chủ trì triển khai.

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN 22 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Theo Công văn số 797/BTTTT-THH ngày 06/3/2022 của
Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
1	Tham mưu ban hành Nghị quyết của cấp ủy Đảng về chuyển đổi số.	Ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
2	Xây dựng và ban hành Kế hoạch tổng thể giai đoạn 05 năm và Kế hoạch hành động hàng năm về chuyển đổi số.	Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tiền Giang năm 2022.
3	Ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0.	Quyết định số 3652/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang, phiên bản 2.0.
4	Tổ chức phổ biến, quán triệt tới các tổ chức, cá nhân liên quan về việc tăng cường quản lý đầu tư, bảo đảm hiệu quả khi ứng dụng CNTT, phát triển Chính phủ số, chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước.	Công văn số 436/STTTT-CNTT&BCV ngày 29/03/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai một số nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy triển khai chuyển đổi số năm 2022.
5	Tổ chức phổ biến, quán triệt tới các tổ chức, cá nhân liên quan về hai nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh mạng, cụ thể là hệ thống chưa kết luận bảo đảm an toàn, an ninh mạng chưa đưa vào sử dụng; hệ thống thử nghiệm, có dữ liệu thật thì phải tuân thủ đầy đủ quy định như hệ thống chính thức.	Tổ chức phổ biến, quán triệt tới các tổ chức, cá nhân liên quan về hai nguyên tắc bảo đảm an toàn, an ninh mạng thông qua các buổi tập huấn, hội nghị

6	Tổ chức triển khai đầy đủ bốn giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, cụ thể là phần mềm nội bộ do đơn vị chuyên nghiệp phát triển, tuân thủ phát triển theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn (DevSecOps); hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin mạng theo cấp độ; hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.	Công tác đảm bảo an toàn thông tin được triển khai đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 04 lớp (lực lượng tại chỗ; giám sát chuyên nghiệp; độc lập kiểm tra; kết nối với hệ thống giám sát quốc gia). Hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh với 02 máy chủ và 4.130 máy trạm được cài đặt phần mềm diệt virus tập trung.
7	Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đến tận cấp đơn vị, cấp cơ sở, phường, xã, tổ, đội.	Công văn số 2735/UBND-KT ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng địa phương. Toàn tỉnh đã thành lập 1.264 Tổ công nghệ số cộng đồng với hơn 8.123 thành viên.
8	Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho CBCCVC thuộc phạm vi quản lý về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.	Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
9	Ban hành Kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số thuộc ngành, lĩnh vực và địa bàn.	Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 01/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
10	Tổ chức triển khai kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.	Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn và đảm bảo cung cấp hàng hóa

		thiết yếu trong đại dịch trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
11	Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung Mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ Chính phủ số.	Mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối 04 cấp đến 100% huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
12	Ban hành Kế hoạch sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm trung tâm dữ liệu và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ Chính phủ số, chính quyền số tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng; ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp.	Chưa xây dựng.
13	Công bố công khai danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung để hệ thống hóa tài nguyên dữ liệu, tăng cường quản trị, nâng cao chất lượng dữ liệu và thúc đẩy chia sẻ dữ liệu.	Đang xây dựng dự thảo Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.
14	Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu được thực hiện thông suốt, tránh đầu tư chồng chéo, lãng phí, tuân thủ đúng quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.	Đã kết nối 06/17 HTTT/CSDL, gồm: (1) Hệ thống cấp phiếu Lý lịch tư pháp, (2) Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam), (3) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp), (4) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông) (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (6) Liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

15	Triển khai hoặc thí điểm triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh.	Đã triển khai thí điểm khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ (IOC).
16	Ban hành Kế hoạch thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao hiệu quả, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành chính sách giảm lệ phí nếu thực hiện thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến; giao chỉ tiêu về tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đến từng sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng trong việc phổ biến, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	Công văn số 4842/UBND-KSTT ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến và chứng thực điện tử.
17	Thực hiện kết nối Cổng Thông tin điện tử, Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử với Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số để đánh giá, đo lường, công bố trực tuyến, mức độ, chất lượng cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến.	Thực hiện kết nối giữa Hệ thống giám sát, đo lường EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông để thu thập đánh giá dữ liệu của 03 loại đối tượng gồm: (1) Cổng Thông tin điện tử, (2) Cổng Dịch vụ công, (3) Hệ thống Một cửa điện tử.
18	Triển khai hoặc thí điểm triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ CBCCVC nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.	Triển khai thí điểm ứng dụng công chức số TienGiangG để hỗ trợ CBCCVC trong quá trình xử lý công việc.
19	Ban hành Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	Đang dự thảo Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp. Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2022 – 2025.
20	Ban hành Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không	Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 15/07/2022 của UBND

	dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế tại địa phương.	tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
21	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; chủ động thí điểm triển khai sáng kiến mới tại địa phương, có khả năng nhân rộng trên toàn quốc.	Đã tập hợp và chuyển tải các câu chuyện chuyển đổi số Việt Nam (tại địa chỉ https://c63.mic.gov.vn) đến các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh để truyền tải, lan tỏa những sáng kiến, cách làm, kinh nghiệm, bài học, mô hình tham khảo về chuyển đổi số.
22	Định kỳ hàng năm thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số đối với các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.	Thực hiện lồng ghép vào chuyên đề thi đua Cải cách hành chính của tỉnh (Nội dung số 7: Xây dựng phát triển Chính quyền số).

PHỤ LỤC 3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2022

1. Quyết định số 1571/QĐ-BCĐ ngày 31/5/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

2. Quyết định số 1572/QĐ-BCĐ ngày 31/5/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

3. Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục, lộ trình tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tiền Giang trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2022.

4. Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý và trả lời kiến nghị của tổ chức, cá nhân qua Hệ thống Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị 1022 tỉnh Tiền Giang.

5. Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Ngày chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

6. Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

7. Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

8. Kế hoạch số 440/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về thành lập Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

9. Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

10. Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

11. Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2022 - 2025.

12. Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tiền Giang năm 2022.

13. Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thí điểm ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2022 – 2025.

14. Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

15. Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 18/7/2022 của UBND tỉnh về tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang” năm 2022.

16. Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

17. Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 30/9/2022 về triển khai thực hiện Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2022.

18. Kế hoạch số 347/KH-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

19. Kế hoạch số 394/KH-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

20. Công văn số 2735/UBND-KT ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai thí điểm Tổ công nghệ số cộng đồng địa phương.

21. Công văn số 4842/UBND-KSTT ngày 6/9/2022 của UBND tỉnh về thực hiện dịch vụ công trực tuyến và chứng thực điện tử.

22. Công văn số 5781/UBND-KSTT ngày 20/10/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

23. Công văn số 6491/UBND-KT ngày 28/11/2022 của UBND tỉnh về thực hiện nâng cao các chỉ tiêu chuyển đổi số cấp tỉnh.

24. Thông báo số 95/TB-UBND ngày 17/5/2022 của UBND tỉnh về thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị triển khai Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- UBND tỉnh ban hành quyết định lấy **ngày 10 tháng 10** là Ngày Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang¹ và đã triển khai các hoạt động Ngày chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2022².

- Tổ chức phát động thi trực tuyến “Tìm hiểu về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang” năm 2022³ nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng Chính quyền số và chuyển đổi số của tỉnh. Cuộc thi được tổ chức bằng hình thức thi trắc nghiệm trực tuyến tại địa chỉ thitruoctuyen.tiengiang.gov.vn hoặc trên ứng dụng di động *TienGiangS* từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/10/2022 thu hút hơn 19.066 lượt đăng ký dự thi.

b) *Tồn tại, hạn chế:* các hoạt động Ngày chuyển đổi số chưa được phong phú, chủ yếu tập trung vào các hoạt động tuyên truyền.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến kinh nghiệm, cách làm về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

Sở Thông tin và Truyền thông đã tập hợp và chuyển tải các câu chuyện chuyển đổi số Việt Nam (tại địa chỉ <https://c63.mic.gov.vn>) đến các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh để truyền tải, lan tỏa những sáng kiến, cách làm, kinh nghiệm, bài học, mô hình tham khảo về chuyển đổi số.

b) *Tồn tại, hạn chế:* chưa có nhiều bài toán, sáng kiến kinh nghiệm, cách làm về chuyển đổi số được áp dụng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

a) Kết quả đạt được:

Đã thành lập và thông qua các nhóm Zalo của hơn 1.264 Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp trên địa bàn tỉnh để thực hiện tuyên truyền và triển khai sử dụng kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên mạng xã hội Zalo đến CBCCVC và người lao động trên địa bàn tỉnh, cung cấp các thông tin mới nhất về chuyển đổi số và các tài liệu liên quan.

b) *Tồn tại, hạn chế:* còn một số đơn vị chưa thật sự tích cực hưởng ứng, tuyên truyền và triển khai sử dụng kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo.

2. Thể chế số

¹ Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về Ngày chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

² Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 30/9/2022 về việc triển khai thực hiện Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2022.

³ Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 18/7/2022 về tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang” năm 2022.

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được:

- Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 06/10/2021 về chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 370/KH-UBND ngày 08/12/2021 về Chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về phê duyệt Đề án Chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- 33/33 sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và 172/172 UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã ban hành chương trình/kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Trong năm 2022, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành 24 văn bản chỉ đạo điều hành về thúc đẩy công tác chuyển đổi số.

b) Tồn tại, hạn chế: việc ban hành thể chế số đã cơ bản đầy đủ, tuy nhiên nội dung Kế hoạch của nhiều cơ quan, đơn vị còn chung chung, chủ yếu dựa vào nhiệm vụ của Kế hoạch cấp trên, chưa cụ thể hóa nhiệm vụ và có nét riêng của ngành, lĩnh vực phụ trách.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022

a) Kết quả đạt được:

- Đã kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh⁴; ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo⁵, trong đó phân công cụ thể nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách theo dõi các ngành, lĩnh vực và các địa phương trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo⁶ cũng như triển khai các nhiệm vụ mà Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho tỉnh Tiền Giang.

- Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số các cấp: 11/11 UBND cấp huyện đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số. Trong đó, 11/11 UBND cấp huyện có Trưởng ban là Chủ tịch UBND huyện, thành phố, thị xã và ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022; 172/172 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số.

- Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh tham dự các Hội nghị trực tuyến với Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và kết luận của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã đánh giá kết quả hoạt động 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng và các nhiệm vụ được giao cho thành viên Ban Chỉ đạo.

⁴ Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

⁵ Quyết định số 1572/QĐ-BCĐ ngày 31/5/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang.

⁶ Kế hoạch số 245/KH-BCĐ ngày 26/7/2022 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Tiền Giang năm 2022.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Nhiều địa phương còn lúng túng trong xác định rõ những nhiệm vụ, công việc trọng tâm cần thực hiện hoặc đã xác định được nhiệm vụ nhưng chưa xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể.

- Công tác chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số ở một số đơn vị chưa thật sự quyết liệt, việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị và địa phương còn hình thức chưa đảm bảo về nội dung và thời gian.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được:

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục được các doanh nghiệp viễn thông đầu tư nâng cao chất lượng phục vụ với mạng lưới toàn tỉnh góp phần quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp trong thực hiện chuyển đổi số. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 1.959 trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS). Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động 3G, 4G trên địa bàn tỉnh đạt 100%; Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% xã, phường, thị trấn; Internet di động băng rộng phủ sóng trên 100% địa bàn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và doanh nghiệp, phục vụ chuyển đổi số của chính quyền.

- Triển khai thí điểm 04 trạm 5G của Viettel trên địa bàn thành phố Mỹ Tho; tổng số thuê bao trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.953.064 thuê bao (trong đó 42,317 thuê bao cố định; 1.910.747 thuê bao di động).

- Hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT): tỷ lệ máy tính/cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã đạt 100% (7.695/7.695), tất cả các máy tính được kết nối Internet; mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp đến 100% huyện, xã trên địa bàn tỉnh; hệ thống hợp trực tuyến 02 chiều của tỉnh với 207 điểm cầu kết nối các điểm cầu từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; hệ thống camera quan sát được tích hợp từ hệ thống camera của các ngành và địa phương với tổng số camera quan sát là 335 (trong đó có 224 camera do tỉnh đầu tư, 111 camera tích hợp từ hệ thống camera của công an các địa phương đầu tư).

b) Tồn tại, hạn chế: điều kiện hạ tầng kỹ thuật CNTT chưa đồng bộ, đặc biệt là ở cấp xã, máy tính, trang thiết bị đầu tư đã lâu, bị xuống cấp, gây khó khăn trong công tác triển khai thực hiện chuyển đổi số.

4. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được:

- Xây dựng, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu (HTTT/CSDL) các ngành, từng bước hình thành kho dữ liệu dùng chung của tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ với các HTTT, phần mềm khác của Bộ, ngành và của tỉnh trong công tác quản lý nhà nước: Hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng đa ngành; Hệ thống kết nối thông tin nông nghiệp, nông dân, nông thôn tỉnh Tiền Giang; Cơ sở dữ liệu ngành Công an (lớp bản đồ bảo vệ mục tiêu); Hệ thống thông

tin Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; Cơ sở dữ liệu ngành Y tế (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (đã tích hợp và đồng bộ dữ liệu tự động từ các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh); Cơ sở dữ liệu ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Đã kết nối 06/17 HTTT/CSDL, gồm: (1) Hệ thống Cấp phiếu Lý lịch tư pháp, (2) Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam), (3) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp), (4) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông), (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), (6) Liên thông Tài nguyên và Môi trường - Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tỉnh chưa xây dựng Công dữ liệu mở.

- Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) chưa cao; tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng tại tỉnh còn hạn chế.

5. Nền tảng số

a) Kết quả đạt được:

- Đã triển khai 5/7 Nền tảng dùng chung của tỉnh⁷, bao gồm: (1) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); (2) Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung (IOC); (3) Nền tảng họp trực tuyến (hệ thống Họp trực tuyến 02 chiều Quickom); (4) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp (Nền tảng ứng dụng TienGiangS); (5) Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức (Nền tảng ứng dụng TienGiangG).

- Các nền tảng, hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh: hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; hệ thống phần mềm Một cửa điện tử; hệ thống báo cáo đa ngành; hệ thống thư điện tử được duy trì hoạt động ổn định và có hiệu quả.

b) Tồn tại, hạn chế: chưa có các nền tảng: (1) Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước, (2) Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước.

6. Nhân lực số

a) Kết quả đạt được:

- Toàn tỉnh hiện có 48 cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

⁷ Công văn số 2224/BTTTT-THH ngày 09/06/2022 về việc tập trung thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn trong năm 2022

- 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã thành lập 1.264 Tổ công nghệ số cộng đồng với 8.123 thành viên. Triển khai tập huấn bồi dưỡng kỹ năng cho hơn 8.000 học viên là các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh những kiến thức về chuyển đổi số như hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân về ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục,... và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phối hợp với Cục Chuyển đổi số quốc gia - Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số cho 559 lãnh đạo UBND cấp xã trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà.

- Đã tổ chức 77 lớp tập huấn chuyên đề ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (14 lớp chuyên đề về ứng dụng CNTT, 60 lớp chuyển đổi số trong nông nghiệp, 01 lớp chuyển đổi số và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước, 01 lớp chuyển đổi số và kỹ năng số trong doanh nghiệp, 01 lớp bảo mật an ninh thông tin) với tổng số lượng người tham dự là 2.126.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Đội ngũ công chức chuyên trách về chuyển đổi số hiện nay còn thiếu, nhất là nguồn nhân lực chuyển đổi số cấp xã, hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm chưa có cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số cấp xã.

- Trình độ ứng dụng CNTT của người dân còn hạn chế, nhất là ở các vùng nông thôn nên chưa khai thác các ứng dụng CNTT một cách hiệu quả vào đời sống.

- Tỷ lệ người dân được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số còn thấp so với yêu cầu đặt ra.

- Không có kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động triển khai chuyển đổi số của Tổ công nghệ số cộng đồng.

7. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được:

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin được triển khai theo mô hình 04 lớp (lực lượng tại chỗ; giám sát chuyên nghiệp; độc lập kiểm tra; kết nối với hệ thống giám sát quốc gia). Hệ thống phòng chống mã độc tập trung toàn tỉnh có 02 máy chủ và 4.130 máy trạm được cài đặt phần mềm diệt virus tập trung.

- Xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin⁸: đến thời điểm hiện tại đã phê duyệt 06 HTTT⁹ (03 HTTT cấp độ 2¹⁰ và 03 HTTT cấp độ 3¹¹).

⁸ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

⁹ Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh về Phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

¹⁰ Hệ thống mạng nội bộ của Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải.

¹¹ Hệ thống Dịch vụ công và một cửa điện tử, Hệ thống Quản lý Văn bản và điều hành công việc, thư điện tử công vụ.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Việc xác định, phê duyệt cấp độ các hệ thống thông tin còn chậm so với tiến độ yêu cầu.

- Các cán bộ phụ trách về an toàn thông tin chưa được bồi dưỡng chuyên sâu về an toàn thông tin.

8. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được:

- Duy trì có hiệu quả các HTTT dùng chung của tỉnh: (1) Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; (2) Hệ thống Cổng dịch vụ công và Một cửa điện tử; (3) Hệ thống thư điện tử công vụ; (4) Hệ thống Cổng thông tin điện tử; (5) Hệ thống Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị (6) Hệ thống Tổng đài 1022 Tiền Giang,...

- Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành phục vụ tốt việc trao đổi và xử lý văn bản điện tử trên môi trường mạng: trên 95% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật) được gửi, nhận trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành. Tổng số văn bản trao đổi trên hệ thống là hơn 11.487.726, trong năm 2022 là hơn 2.481.464 văn bản (chiếm 21%); tỷ lệ văn bản ký số đạt trên 95%; tỷ lệ văn bản ký số cá nhân đạt 65%; đã có sự thay tích cực trong việc sử dụng chữ ký số trong văn bản điện tử đảm bảo giá trị pháp lý theo quy định.

- Thực hiện chuyển đổi, đồng bộ 1.174 mã định danh điện tử cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương¹² và đã cập nhật toàn bộ mã định danh vào Hệ thống danh mục điện tử dùng chung (<https://dmdc.ngsp.gov.vn>).

- Cổng dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh (dichvucong.tiengiang.gov.vn) đã cung cấp 1.856 dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) gồm: 158 DVCTT mức độ 2 (đạt 8,52%); 427 DVCTT mức độ 3 (đạt tỷ lệ 23%) và 1.271 DVCTT mức độ 4 (đạt tỷ lệ 68,48%); trong đó đã tích hợp, đồng bộ 1.272 DVCTT mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn), đạt tỷ lệ 68,53% so với yêu cầu của Chính phủ là phải đạt 70%; tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến là 883 thủ tục, đạt tỷ lệ 49% (883/1.698 thủ tục). Tính đến tháng 12/2022, tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và xử lý trên hệ thống Một cửa điện tử là 615.932 hồ sơ (trong đó có 10.488 hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 33.195 hồ sơ trực tuyến mức độ 4); tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 3, 4 xử lý trực tuyến đạt 7,09%; tỷ lệ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 98,27%.

- Hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh (tiengiang.gov.vn) được xây dựng theo mô hình đồng bộ về công nghệ, liên thông về dữ liệu, thông tin, gồm: 01 cổng chính và 33 cổng thành phần (22 cổng TTĐT của các sở, ban, ngành tỉnh; 11 cổng TTĐT các huyện, thành phố, thị xã) và 172 Cổng TTĐT cấp 4 của các

¹² Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh về ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

xã, phường, thị trấn. Việc cung cấp thông tin, các chuyên mục trên trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị cơ bản đáp ứng theo quy định.

- Hệ thống thư điện tử công vụ: đã cấp trên 11.210 tài khoản thư điện tử cho các cơ quan nhà nước và CBCCVC; đảm bảo 100% CBCCVC được phục vụ việc gửi, nhận văn bản điện tử và trao đổi thông tin. Đây cũng là hệ thống xác thực tập trung đăng nhập một lần (SSO) trong Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Tiền Giang.

- Hệ thống họp trực tuyến hai chiều đã triển khai đến 11/11 UBND các huyện, thành phố, thị xã và 172/172 xã, phường, thị trấn đảm bảo các cuộc họp của Chính phủ, của tỉnh với các huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn phát huy hiệu quả tiết kiệm thời gian, chi phí; trong năm hệ thống đã phục vụ hơn 195 cuộc họp trực tuyến các cấp.

- Ứng dụng chữ ký số: trong năm 2022 đã cấp mới 465 thiết bị ký số (275 CKS tổ chức, 153 CKS cá nhân, 37 CKS tích hợp lên SIM), đến nay, tổng số chứng thư số đã cấp là 2.063 (1.324 CKS cơ quan, 702 CKS cá nhân, 241 CKS cá nhân tích hợp lên SIM) góp phần quan trọng trong việc ký số văn bản điện tử đảm bảo giá trị pháp lý theo quy định.

- Hệ thống Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (Tổng đài 1022 Tiền Giang): đã tiếp nhận hơn 3.147 phản ánh, kiến nghị (PAKN) qua các kênh giao tiếp của hệ thống, trong đó năm 2022 tiếp nhận 470 PAKN (đã xử lý 183, đang xử lý 287).

- Hệ thống báo cáo đa ngành được xây dựng và triển khai với các báo cáo có tính chất tổng hợp, phân tích số liệu từ nhiều cấp và mang tính chất định kỳ. Hiện tại, hệ thống đã khai báo hơn 18 mẫu báo cáo của các sở, ban, ngành.

- Đang triển khai thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh với các phân hệ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông¹³.

- Ứng dụng **TienGiangG** có hơn 6.450 lượt cài đặt (**đạt 83,82%** CBCCVC cài đặt ứng dụng).

b) Tồn tại, hạn chế:

- Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.
- Chưa xây dựng Cổng dữ liệu mở.

9. Kinh tế số

a) Kết quả đạt được:

- Triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử. Tổng số hộ sản xuất nông nghiệp đã được tạo tài khoản trên Postmart.vn,

¹³ Công văn số 213/THH-CPĐT ngày 03/3/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn mô hình tổng thể, yêu cầu chức năng, tính năng của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh, cấp bộ.

Voso.vn là 235.124 tài khoản, đã đưa lên 2 sản là 1.421 sản phẩm. Tổng số giao dịch tính đến hết tháng 12/2022 đạt 12.010 giao dịch.

- Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số bằng các nền tảng số Việt Nam đã có hơn 1.923 doanh nghiệp tiếp cận, tham gia chương trình.

- Về thúc đẩy các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số: UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 21/02/2022) và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, giai đoạn 2022 - 2025 (Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 10/6/2022). Đến hết Quý II/2022, 03 doanh nghiệp viễn thông (Viettel, Mobifone, VNPT) triển khai thí điểm dịch vụ Mobile Money.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Công tác tuyên truyền phổ biến về các dịch vụ phát triển kinh tế số được triển khai sâu, rộng tới các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, người dân vẫn chưa chủ động nghiên cứu áp dụng sử dụng, còn thói quen sử dụng truyền thống, như: thanh toán bằng tiền mặt, mua hàng trực tiếp không qua các sàn giao dịch điện tử,...

- Việc triển khai hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên các nền tảng số còn ở mức kế hoạch, chưa có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực. Các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh còn ít.

10. Xã hội số

a) Kết quả đạt được:

- Tổng số thuê bao di động là 2.212.325 thuê bao; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh là 85,5%¹⁴; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh là 87,4%¹⁵; tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang băng rộng là 68,3%¹⁶.

- Đặc biệt, với định hướng xuyên suốt ***năm 2022 là đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số*** thông qua các nền tảng số Việt Nam, giúp người dân, doanh nghiệp thụ hưởng trực tiếp sự tiện lợi cũng như lợi ích của chuyển đổi số: đã triển khai thí điểm ứng dụng công dân số TienGiangS (là ứng dụng di động giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp) và ứng dụng công chức số TienGiangG (là ứng dụng di động hỗ trợ công chức, viên chức trong quá trình xử lý công việc); đến tháng 12/2022, ứng dụng **TienGiangS** đã có hơn 309.787 lượt cài đặt với tổng số 112.134 tài khoản người dùng (đạt **7,28%** dân số trưởng thành có điện thoại thông minh).

b) Tồn tại, hạn chế: Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử chưa cao, chủ yếu là CBCCVC nhà nước và một số cá nhân hoạt động về thương mại dịch vụ.

¹⁴ Số người dân có smartphone là 1.538.513/ Tổng số dân là 1.799.416 người.

¹⁵ Số lượng hộ gia đình có người có điện thoại thông minh là 442.455/ Tổng số hộ gia đình là 506.184 hộ.

¹⁶ Số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang là 345.673/ Tổng số hộ gia đình là 506.184 hộ.

PHỤ LỤC 4**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ/DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI NĂM 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Tiền Giang)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
I	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP										
1	Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tiền Giang	Sở TT&TT	Sở TT&TT	Cơ sở hạ tầng	DA chuyển tiếp	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh (một trong những hệ thống cốt lõi dùng chung của tỉnh), đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn thông tin mạng, đảm bảo cung cấp tối ưu dịch vụ thư điện tử cho tất cả các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã trong công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và trao đổi văn bản điện tử; đảm bảo tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh	Đảm bảo an toàn thông tin mạng, cung cấp tối ưu dịch vụ thư điện tử cho tất cả các cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức từ cấp tỉnh đến cấp xã trong công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và trao đổi văn bản điện tử; đảm bảo tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Chính quyền điện tử của tỉnh	TT THDL tỉnh và các cơ quan nhà nước có liên quan	2022 - 2023	5,000	2,000
2	Xây dựng phần mềm hỗ trợ xác định chỉ số CCHC (chấm điểm CCHC)	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Ứng dụng CNTT	DA chuyển tiếp	Xây dựng phần mềm hỗ trợ xác định chỉ số cải cách hành chính (chấm điểm cải cách hành chính)	Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác xác định chỉ số cải cách hành chính; giúp cho việc báo cáo tổng hợp, thống kê các chỉ số CCHC được nhanh chóng, thuận lợi	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	2022 - 2023	2,600	1,400
II	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2023										
1	Các dự án vốn đầu tư										
1	Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Sở TT&TT	Sở TT&TT	Cơ sở hạ tầng	DA mới	Trung tâm điều hành và kiểm soát cho các hoạt động của Chính quyền số tỉnh Tiền Giang, nơi tất cả mọi thứ kết nối lại với một hệ thống thông tin thông qua các dịch vụ và các thiết bị Chính quyền số trên địa bàn tỉnh	Xây dựng Trung tâm điều hành và kiểm soát cho các hoạt động của Chính quyền số tỉnh Tiền Giang	TT THDL tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan	2022 - 2023	14,000	7,000
2	Đầu tư Tòa soạn đa phương tiện cho Báo Ấp Bắc	Báo Ấp Bắc	Báo Ấp Bắc	Cơ sở hạ tầng	DA mới	Đầu tư trang thiết bị đa phương tiện cho Báo Ấp Bắc	Tăng cường ứng dụng CNTT tại Báo Ấp Bắc	Báo Ấp Bắc	2022 - 2023	4,200	1,400

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
3	HTTT ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (Giai đoạn 1)	Sở LĐTBXH	Sở LĐTBXH	CSDL	DA mới	Xây dựng hệ thống thông tin ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (Giai đoạn 1) trên các lĩnh vực: việc làm; người có công, gia đình chính sách; bảo trợ xã hội; gia đình khó khăn, cơ nhỡ, neo đơn; đối tượng xã hội; an toàn lao động	Nâng cấp, hoàn thiện các CSDL chuyên ngành hình thành từ các HTTT đã đầu tư trong các giai đoạn Chính quyền điện tử. Hình thành các CSDL chuyên ngành và các CSDL dùng chung kết nối dữ liệu xây dựng các ứng dụng số phục vụ công dân số và doanh nghiệp số	Sở LĐTB&XH và các cơ quan liên quan	2022 - 2023	11,000	5,200
5	Đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây	Sở TT&TT	Sở TT&TT	Cơ sở hạ tầng	DA mới	Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở, nhằm đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng nội dung thông tin để cung cấp, trao đổi thông tin theo hướng chủ động, kịp thời, chính xác và hiệu quả. Hình thành CSDL nguồn hệ thống thông tin cơ sở đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nguồn tuyên truyền, phổ biến đến người dân và phục vụ công tác quản lý nhà nước về thông tin cơ sở	Hệ thống truyền thanh cơ sở của tỉnh phần lớn chủ yếu sử dụng công nghệ cũ qua hai hình thức: dùng loa có dây và phát thanh qua sóng FM. Nhằm đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông về hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở; do đó việc đầu tư hạ tầng truyền thanh không dây ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là hết sức cần thiết	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, một số đài truyền thanh xã	2023 - 2024	10,000	3,000
6	Đầu tư xây dựng mới Trung tâm tích hợp dữ liệu, giai đoạn 1	Sở TT&TT	Sở TT&TT		DA mới	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu mới theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ đám mây trong việc lưu trữ, sao lưu và phục hồi dữ liệu của Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Trung tâm THDL mới cần đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam về Trung tâm dữ liệu theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, đáp ứng các yêu cầu của Trung tâm dữ liệu hiện đại, có khả năng mở rộng và đáp ứng nhu cầu hoạt động chuyển đổi số ngày càng cao	TT THDL tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan	2023 - 2024	70,000	21,000

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
7	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC)	Sở TT&TT	Sở TT&TT		DA chuyển tiếp	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn mô hình đảm bảo an toàn thông tin cấp tỉnh của Cục An toàn thông tin, nhằm bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tiền Giang; đáp ứng yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình “4 lớp”; thiết lập mạng lưới giám sát an toàn thông tin mạng đảm bảo liên kết liên thông với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.	Để đảm bảo hệ thống hạ tầng, các thiết bị, các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được an toàn, bảo mật, cần có giải pháp giám sát an toàn thông tin, giúp phát hiện, cảnh báo và kịp thời đẩy lùi các cuộc tấn công ra khỏi hệ thống thông tin của đơn vị	TT THDL tỉnh và các cơ quan nhà nước có liên quan	2023 - 2024		
8	Xây dựng ứng dụng số phục vụ công dân số và doanh nghiệp số, giai đoạn 1	Sở TT&TT	Sở TT&TT	Ứng dụng CNTT	DA mới	Triển khai ứng dụng Nền tảng công dân số, ứng dụng các công nghệ mới như: trí tuệ nhân tạo trong trả lời tự động (Chatbot) cho người dân và doanh nghiệp; chuỗi khối (Blockchain); tối ưu các CSDL định danh sẵn có của bảo hiểm, thuế, ngân hàng, doanh nghiệp,...	Xây dựng ứng dụng Nền tảng công dân số có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của quá trình tạo ra chính quyền số, nhằm đưa hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số	TT THDL tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan	2023 - 2024	20,000	6,000
9	Nâng cấp mạng LAN cấp xã kết nối với mạng diện rộng của tỉnh	Sở TT&TT tổng hợp trình chủ trương đầu tư	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Cơ sở hạ tầng	DA mới	Nâng cấp mạng LAN cấp xã kết nối với mạng diện rộng của tỉnh	Các thiết bị của hệ thống mạng LAN cũ tại các xã đã xuống cấp,gây khó khăn trong công tác vận hành, bảo trì cũng như mở rộng kết nối phục vụ nhu cầu chuyển đổi số, cần phải nâng cấp hệ thống đảm bảo các yêu cầu ngày càng cao của hoạt động chuyển đổi số	UBND các xã, phường, thị trấn	2023 - 2024	20,000	6,000

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
10	HTTT ngành Tài nguyên và Môi trường (giai đoạn 1)	Sở TN&MT	Sở TN&MT		DA mới	Xây dựng nền tảng chia sẻ dữ liệu không gian ngành tài nguyên và môi trường, kết nối, liên thông, chia sẻ CSDL tài nguyên và môi trường với hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, các Bộ, ngành	Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được vận hành, cập nhật và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân theo quy định. Hệ thống trực tích hợp các dịch vụ web tài nguyên và môi trường cung cấp có thể dễ dàng được khai thác và sử dụng để phát triển các ứng dụng và sử dụng dữ liệu trên các môi trường khác nhau.	Sở TN&MT và các cơ quan liên quan	2023 - 2024	25,000	6,500
11	HTTT ngành Thanh tra (giai đoạn 1)	Thanh tra tỉnh	Thanh tra tỉnh	CSDL	DA mới	- Đầu tư các thiết bị công nghệ thông tin nhằm thay thế các thiết bị đã hết hạn hao mòn, hư hỏng; nâng cấp một số chức năng của phần mềm quản lý công tác thanh tra, tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo; xây dựng hệ thống phần mềm Quản lý kê khai tài sản - Thực hiện đầu tư nâng cấp, bổ sung các trang thiết bị mạng LAN nội bộ - Thực hiện chỉnh lý, số hoá tài liệu lưu trữ, cập nhật, quản lý hồ sơ thanh tra của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh có liên quan, trang bị thiết bị và phần mềm số hoá.	Nhằm đảm bảo cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý thanh tra, tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo cũng như xây hệ thống phần mềm quản lý tài sản và thu nhập trên toàn tỉnh, số hoá dữ liệu và trang bị phần mềm phục vụ cho việc số hoá lưu trữ. Hệ thống cần trang bị thêm các thiết bị máy tính, máy in, máy scan và các thiết bị CNTT khác có liên quan.	Thanh tra tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan	2023-2024	10,200	5,000
12	Tin học hóa quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Ứng dụng CNTT	DA chuyển tiếp	Trang bị phần mềm quản lý về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tôn giáo trên địa bàn tỉnh; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu về tôn giáo	Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan	2022 - 2023	7,000	3,700

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
13	Thư viện điện tử	Sở VH TT&DL	Sở VH TT&DL	Cơ sở hạ tầng	DA mới	- Đầu tư và phát triển Thư viện tỉnh hoàn thiện về hạ tầng số, dữ liệu số, triển khai liên thông, chia sẻ tài nguyên và sản phẩm thông tin thư viện theo chức năng, nhiệm vụ, văn bản hợp tác. - Đầu tư trang bị các giải pháp thư viện thông minh. - Triển khai công tác số hóa và xây dựng CSDL các tài liệu.	Nhằm mục đích hiện đại hóa hệ thống thông tin (phần cứng, phần mềm) cho Thư viện tỉnh Tiền Giang, đồng thời hỗ trợ khai thác liên thông các nguồn tài nguyên thông tin quý giá giữa Thư viện tỉnh với 09 Thư viện tuyến huyện trực thuộc trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ cộng đồng bạn đọc và phát triển văn hóa đọc trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai dự án có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của công tác quản lý thư viện, phục vụ nhu cầu văn hóa đọc của người dân tại tỉnh Tiền Giang nói riêng và cả nước nói chung.	Thư viện tỉnh và các cơ quan liên quan	2021 - 2023	10,000	200
2	Các nhiệm vụ vốn sự nghiệp									38,060	14,995
1	Bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin chuyên sâu cho cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT		Đào tạo	Nhiệm vụ mới	Trang bị, bổ sung kiến thức chuyên sâu về tin học và sử dụng các phần mềm, ứng dụng để cán bộ, công chức xã ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ	Theo Quyết định số 2968/QĐ-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ	Cán bộ, công chức xã quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ	Năm 2023	150	150
2	Tập huấn nhận thức về chuyển đổi số, chia sẻ những kinh nghiệm về chuyển đổi số trong doanh nghiệp	Sở TT&TT		Đào tạo	Nhiệm vụ mới	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; cung cấp các kiến thức về công nghệ áp dụng trong chuyển đổi số và xu hướng mới để đảm bảo nguồn lực tham gia chuyển đổi số.	Tập huấn kỹ năng kinh doanh số, kinh tế số, kỹ năng sử dụng và khai thác các dịch vụ công trực tuyến,...	Lãnh đạo các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ thông tin và bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình và báo chí	Năm 2023	20	20

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
3	Tập huấn công tác chuyển đổi số cho Tổ công nghệ số cộng đồng	Sở TT&TT		Đào tạo	Nhiệm vụ mới	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; cung cấp những vấn đề cơ bản về chuyển đổi số, những lợi ích, thuận lợi từ quá trình chuyển đổi số	Các chủ trương, chính sách, pháp luật về chuyển đổi số; chuyển giao hướng dẫn cài đặt, sử dụng nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số (sử dụng dịch vụ công trực tuyến, gian hàng số, sàn thương mại điện tử, thanh toán điện tử, nền tảng trợ lý ảo, số sức khỏe điện tử, các nền tảng công nghệ phòng chống dịch và các nội dung khác theo từng thời kỳ)	Đội ngũ chuyên quản Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã	Năm 2023	20	20
4	Các lớp chuyên đề về ứng dụng CNTT	Sở TT&TT		Đào tạo	Nhiệm vụ mới	Cung cấp những kiến thức, kỹ năng sử dụng CNTT, các hệ thống CNTT dùng chung phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước	Tập huấn sử dụng các chức năng mới của các hệ thống dùng chung của tỉnh, các ứng dụng chuyển đổi số của tỉnh	Các CBCC trên địa bàn tỉnh	Năm 2023	70	70
5	Lớp đào tạo bảo mật, an ninh thông tin	Sở TT&TT		Đào tạo	Nhiệm vụ mới	Nâng cao trình độ kỹ thuật về an toàn an ninh thông tin trên môi trường mạng	Nhằm nâng cao trình độ kỹ thuật về an toàn an ninh thông tin trên môi trường mạng	Cán bộ phụ trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã và Phòng VH-TT; các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước tỉnh	Năm 2023	100	100
6	Triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung và chia sẻ thông tin mã độc	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Triển khai phần mềm phòng chống mã độc, bảo vệ máy trạm, thiết bị đầu cuối theo Chỉ thị số 14/CT-TTg	Triển khai phần mềm phòng chống mã độc, bảo vệ máy trạm, thiết bị đầu cuối theo Chỉ thị số 14/CT-TTg	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021 - 2023	4,985	2,100
7	Thuê hạ tầng dịch vụ hệ thống Chính quyền số	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thuê hệ thống đường truyền và hệ thống lưu trữ cho các hệ thống camera thông minh, wifi thông minh, du lịch thông minh. Thuê hạ tầng camera, wifi,...	Thuê hệ thống đường truyền và hệ thống lưu trữ cho các hệ thống camera thông minh, wifi thông minh, du lịch thông minh. Thuê hạ tầng camera, wifi,...	Các sở, ban, ngành	2021 - 2023	19,341	6,800

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì triển khai		Lĩnh vực ứng dụng	Dự án chuyển tiếp hay dự án mới	Mục tiêu đầu tư	Sự cần thiết đầu tư	Phạm vi triển khai	Thời gian triển khai	Dự kiến Tổng mức đầu tư	Dự kiến Nhu cầu vốn năm 2023
		Lập chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư								
8	Thuê dịch vụ triển khai phần mềm họp trực tuyến 2 chiều cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thuê dịch vụ họp trực tuyến 2 chiều (phần mềm, đường truyền dùng riêng phục vụ cho cuộc họp)	Thuê dịch vụ họp trực tuyến 2 chiều (phần mềm, đường truyền dùng riêng phục vụ cho cuộc họp)	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2021 - 2023	4,656	1,951
9	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2023	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2023	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2023	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2024	6,259	2,177
10	Thuê lưu trữ hạ tầng lưu trữ phục vụ công TTĐT tỉnh năm 2023	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thuê lưu trữ hạ tầng lưu trữ phục vụ công TTĐT tỉnh năm 2023	Thuê lưu trữ hạ tầng lưu trữ phục vụ công TTĐT tỉnh năm 2023	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	2022 - 2024	1,069	372
11	Thuê hệ thống lắng nghe, giám sát, hỗ trợ quản lý mạng xã hội và thông tin mạng	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ chuyển tiếp	Thuê hệ thống lắng nghe, giám sát, hỗ trợ quản lý mạng xã hội và thông tin mạng năm 2023.	Thuê hệ thống lắng nghe, giám sát, hỗ trợ quản lý mạng xã hội và thông tin mạng năm 2023	Sở TT&TT; các cơ quan liên quan	2022 - 2024	330	175
12	Thuê trang thông tin điện tử thành phần cho 172 xã, phường, thị trấn	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ mới	Thuê trang thông tin điện tử thành phần cho 172 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước theo chương trình cải cách hành chính hàng năm và góp phần nâng cao chất lượng các tiêu chí trong bộ tiêu chí về xã đạt chuẩn nông thôn mới (tiêu chí số 4 về xây dựng nông thôn mới theo quy định của Bộ TT&TT) giai đoạn 2021-2025, yêu cầu 100% xã có trang thông tin điện tử	UBND các xã, phường, thị trấn	Năm 2023	500	500
13	Thuê phần mềm chấm điểm Chi số chuyển đổi số (DTI)	Sở TT&TT		Thuê dịch vụ CNTT	Nhiệm vụ mới	Thuê phần mềm chấm điểm Chi số chuyển đổi số (DTI) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.	Nhằm hỗ trợ công tác thẩm định, đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tiền Giang được nhanh chóng, thuận lợi, công khai và minh bạch	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Năm 2023	200	200
14	Tuyên truyền về chính quyền số cho người dân, doanh nghiệp và CBCCVC	Sở TT&TT		Tuyên truyền	Nhiệm vụ mới	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chính quyền số cho người dân, doanh nghiệp và CBCCVC	Nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và CBCCVC về chính quyền số	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Năm 2023	360	360